

Bình Lục, ngày 11 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2017/TLST – HNGĐ ngày 16/6/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

* **Nguyên đơn:** Anh Văn Ngọc N, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Chị Đặng Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/7/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/7/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Văn Ngọc N, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam và chị Đặng Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Văn Ngọc D, sinh ngày 11/9/1999; cháu Văn Ngọc Đ, sinh ngày 11/8/2003; cháu Văn Ngọc K, sinh ngày 04/3/2012; cháu Văn Ngọc Tr, sinh ngày 26/4/2015 cho chị Đặng Thị H nuôi dưỡng. Anh Văn Ngọc N góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Đ, cháu K, cháu Tr cho chị H; mỗi cháu 2.000.000đ

(Hai triệu đồng) một tháng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu Đ, cháu K, cháu Tr đủ 18 tuổi; việc góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện hàng tháng. Chị H và các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, cháu Đ, cháu K, cháu Tr.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh Văn Ngọc N và chị Đặng Thị H không đề nghị Toà án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Văn Ngọc N và chị Đặng Thị H , mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Văn Ngọc N phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thoả thuận của anh N và chị H, chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0001035 ngày 16/6/2017 thành án phí ly hôn sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng mà anh N, chị H phải chịu. Anh N, chị H đã thi hành xong phần án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)